TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 609/2025/DS-PT Ngày 19 - 11 - 2025 V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 307/2025/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2103/2025/QĐPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Kim H1, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: 2 Đường số A, Cư xá Đ, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 2 Đường số A, Cư xá Đ, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Bích L, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: 12.23 Chung cư F, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 12.23 Chung cư F, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh)

- *Bị đơn:*

1/. Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1965 (có mặt).

2/. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 3 N, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 3 N, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Đoàn Thị L1, sinh năm 1963 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 2 Đường số A, Cư xá Đ, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 2 Đường số A, Cư xá Đ, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

2/. Bà Đoàn Thị V, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: A Deanann PL W.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Kim H1, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: 2 Đường số A, Cư xá Đ, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 2 Đường số A, Cư xá Đ, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người kháng cáo:* Bà Đoàn Thị Kim H1 – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Đoàn Thị Kim H1 trình bày:

Cha mẹ bà là ông Đoàn Văn H2 và bà Phan Thị M tạo lập được tài sản là nhà đất tại địa chỉ số C đường N, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ông H2 chết năm 2019, bà M không còn minh mẫn nên các con gồm bà L1, ông T, bà V, bà H1 mời Văn phòng công chứng đến nhà làm thủ tục tặng cho, tạm giao cho ông T đứng tên tài sản. Do có thỏa thuận chia tài sản làm 6 phần (mỗi người con một phần, một phần lo cho cha, một phần lo cho mẹ) nên ông T, bà T1 đã thực hiện thủ tục tặng cho 1/6 giá trị tài sản cho bà H1. Ngày 07/12/2022, bà M chết, bà H1 đã chi tiền cá nhân để lo cho mẹ số tiền 509.450.000 đồng. Dù nhiều lần trao đổi nhưng ông T không hoàn trả cũng như không bàn giao 1/6 tài sản theo hợp đồng tặng cho. Do đó bà H1 khởi kiện vợ chồng ông T bà T1, yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Buộc ông T và bà T1 trả cho bà H1 số tiền 509.450.000 đồng.

2/ Buộc ông T và bà T1 trả cho bà H1 1/6 giá trị quyền sử dụng thửa đất số 112, tờ bản đồ số 20, diện tích 17,7m^2 tại Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí

Minh và quyền sở hữu nhà trên thửa đất tại số C đường N, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn là ông Đoàn Văn T trình bày:

Ông được cha mẹ tặng cho nhà đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không có thỏa thuận chia thành 6 phần như bà H1 trình bày. Ông đã tiến hành xây sửa căn nhà nhiều lần. Việc ông tặng cho 1 căn nhà cho bà H1 là tự nguyện do xét thấy bà H1 có công chăm sóc mẹ và có con nhỏ. Ngày 05/4/2024, ông chủ động liên lạc với bà H1 để thực hiện hợp đồng tặng cho đã ký với số tiền 500 triệu đồng nhưng không nhận được phản hồi.

Ông không đồng ý hoàn trả số tiền 509.450.000 đồng.

Sau khi lập hợp đồng tặng cho bà H1 thì vợ chồng ông T bà T1 có bỏ tiền sửa chữa nhà. Tuy nhiên ông T bà T1 ko tính toán khoản chi phí này, đồng ý trả cho bà H1 phần tiền tương ứng 1/6 giá trị nhà đất tại 3 đường N, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo giá trị nhà hiện tại.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T1 có đơn xin vắng mặt tất cả các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa và có bản khai trình bày:

Bà T1 là vợ ông T, bà không có ý kiến gì về tranh chấp của chồng, bà T1 để ông T toàn quyền quyết định với bà H1. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị V – có người đại diện ủy quyền là bà Đoàn Thị Kim H1 trình bày:

Bà V thống nhất với toàn bộ trình bày của bà H1. Xác định bà V không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị L1 trình bày:

Về nguồn gốc đất căn nhà 390/86 Nguyễn Đình C là tài sản riêng của bố mẹ bà. Khi ba mẹ già yếu đã thống nhất căn nhà này để thờ cúng ông bà, không được bán. Nếu bán thì phải được sự đồng ý của 04 người con và chia đều cho 04 người con. Đó là lý do bà M đã lập di chúc ngày 22/7/2007.

Năm 2013, do bố mẹ bị bệnh nặng nên 04 chị em thống nhất để em trai tên Đoàn Văn Trung đại D đứng tên căn nhà 3 N.

Năm 2019 bố mất, bà V và bà H1 đã ứng tiền ra lo chi phí ma chay. Sau đó 04 chị em đã họp mặt và thống nhất căn nhà sẽ chia làm 06 phần bằng nhau cho bố mẹ và 04 anh chị em. Phần của bố thì ông T đã đồng ý và trả lại đủ tiền cho bà V và bà H1.

Năm 2022, bà M bị nhồi máu cơ tim đã nhập viện 12 ngày ở bệnh viện G và đưa về nhà điều trị giai đoạn cuối là 08 ngày. Toàn bộ chi phí điều trị, ma chay do bà H1 đã tạm ứng theo yêu cầu của ông T. Tổng cộng số tiền chi phí là 509.450.000 đồng. Sau đó các anh chị em họp mặt yêu cầu ông T hoàn trả cho bà H1 nhưng ông T không đồng ý.

Bà L1 cho rằng yêu cầu khởi kiện của bà H1 là hợp lý. Bà L1 không có yêu cầu ông T hoàn trả giá trị 1/6 căn nhà do ông T chưa bán nhà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 307/2025/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ - Điều 117, Điều 166, Điều 275, Điều 280 Bộ luật dân sự.

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đoàn Thị Kim H1.

1. Buộc ông Đoàn Văn T và Bà Nguyễn Thị T1 trả cho nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim H1 1/6 (một phần sáu) giá trị căn nhà 3 N, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh bằng số tiền 614.091.667 (Sáu trăm mười bốn triệu, không trăm chín mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

2. Buộc ông Đoàn Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đoàn Thị Kim H1 1/4 (môt phần bốn) chi phí điều trị bệnh, chi phí ma chay, chi phí mai táng cho bà Phan Thị M bằng số tiền 127.362.500 (Một trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì người phải thi hành còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả; lãi suất được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/6/2025, nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim H1 có đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Đoàn

Văn T, bà Nguyễn Thị T1 phải thanh toán cho bà H1 toàn bộ số tiền 504.450.000 đồng chi phí điều trị bệnh, chi phí ma chay, chi phí mai táng cho bà Phan Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim H1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Đoàn Văn T, bà Nguyễn Thị T1 phải thanh toán cho bà H1 toàn bộ số tiền 504.450.000 đồng chi phí điều trị bệnh, chi phí ma chay, chi phí mai táng cho bà Phan Thị M vì sau khi ông H2 mất thì bà M cùng các con thống nhất chia căn nhà 390/86 Nguyễn Đình C làm 06 phần, trong đó 04 phần cho 04 người con; còn 02 phần của ông H2, bà M để lo chi phí chăm sóc, điều trị bệnh và ma chay cho ông H2, bà M. Chi phí lo tiền chữa bệnh và lo mai táng cho bà M do một mình bà H1 bỏ ra, ông T hứa sẽ trả lại nhưng không trả, còn việc cho bà H1 1/6 giá trị căn nhà là ý chí của ông T và các chị em, không đi kèm nghĩa vụ phải lo cho cha mẹ và hiện ông T đang quản lý phần tài sản đã phân chia của bà M nên có nghĩa vụ phải trả lại số tiền này để lo chi phí mai táng cho bà M.

Bị đơn là ông Đoàn Văn T trình bày không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị V (do bà Đoàn Thị Kim H1 đại diện theo ủy quyền) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị Kim H1 nằm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Đoàn Thị Kim H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 trả cho bà H1 1/6 giá trị quyền sử dụng thửa đất số 112, tờ bản đồ số 20, diện tích 17,7m^2 tại Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và quyền sở hữu nhà trên thửa đất tại số C đường N, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; trả lại cho bà H1 số tiền 509.450.000 đồng là chi phí điều trị bệnh, ma chay, mai táng cho bà Phan Thị M (cha mẹ của nguyên đơn, bị đơn).

[2.2] Đối với yêu cầu trả lại 1/6 giá trị nhà đất tại số C đường N, Phường D, Quận C, sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự trong vụ án không kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền không kháng nghị. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[2.3] Đối với yêu cầu về việc buộc bị đơn thanh toán toàn bộ chi phí điều trị, ma chay, mai táng cho bà Phạm Thị M1:

Các đương sự trong vụ án đều thống nhất tổng chi phí điều trị bệnh, chi phí ma chay, chi phí mai táng cho bà Phan Thị M với số tiền 509.450.000 đồng; phần chi phí này do bà Đoàn Thị Kim H1 là người trực tiếp chi trả.

Ông Đoàn Văn H2 và bà Phan Thị M có bốn người con gồm các ông, bà: Đoàn Thị V, Đoàn Thị L1, Đoàn Văn T, Đoàn Thị Kim H1. Căn nhà 3 N, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông H2, bà M; sau đó ông H2, bà M đã lập hợp đồng tặng cho ông T; hợp đồng tặng cho được thực hiện hợp pháp và ông T đã được cập nhật biến động sang tên ngày 25/01/2016. Ông H3 mất năm 2019, bà M mất năm 2022.

Bà H1 cho rằng sau khi ông H2 mất thì bà M cùng các con thống nhất chia căn nhà 390/86 Nguyễn Đình C làm 06 phần, trong đó 04 phần cho 04 người con; còn 02 phần của ông H2, bà M để lo chi phí chăm sóc, điều trị bệnh và ma chay cho ông H2, bà M; tạm giao cho ông T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Thỏa thuận giữa mẹ và các chị em bà H1, ông T đều được lập vi bằng chứng nhận đúng sự thật. Vì vậy, ông T có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà H1 toàn bộ chi phí điều trị bệnh, chi phí ma chay, chi phí mai táng cho bà Phan Thị M như đã nêu trên. Xét thấy, ông H2, bà M lập hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà cho ông T trước khi ông H2, bà M chết; hợp đồng hợp pháp, được các bên đương sự thừa nhận; nội dung hợp đồng không thể hiện việc cha mẹ thỏa thuận chia nhà đất thành 06 phần, trong đó 02 phần sử dụng vào việc chăm sóc cha mẹ, chi phí điều

trị bệnh, mai táng, ma chay (nếu có) như bà H1 trình bày. Hợp đồng tặng cho đã hoàn thành, tài sản đã thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông T nên việc các anh chị em sau đó thỏa thuận phân chia lại tài sản của ông H2, bà M là không có cơ sở. Trường hợp ông T tự nguyện giao lại tài sản đã được cha mẹ tặng cho thì ông T có quyền lập hợp đồng tặng cho, hoặc thanh toán lại giá trị cho các anh chị em khác như đối với trường hợp của bà H1. Vì vậy, bà H1 cho rằng ông T đang quản lý phần tài sản đã phân chia của bà M để buộc ông T hoàn trả lại toàn bộ chi phí đã bỏ ra cho bà M là không có cơ sở.

Ngoài ra, bà H1 có ý kiến cho rằng khi bà M bị bệnh thì ông T kêu bà H1 tạm ứng các chi phí và ông T sẽ hoàn trả lại cho bà H1 do ông T hưởng phần giá trị căn nhà của bà M. Tuy nhiên, lời trình bày của bà H1 không được ông T, bà T1 thừa nhận và bà H1 cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày này.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc chăm sóc cha mẹ là nghĩa vụ chung của con cái, mỗi người đều có nghĩa vụ tương ứng nhau nên chấp nhận một phần yêu cầu của bà H1, buộc ông T phải thanh toán ¼ chi phí điều trị bệnh, chi phí ma chay, chi phí mai táng cho bà Phan Thị M là đúng quy định pháp luật, hợp tình, hợp nghĩa, phù hợp với phong tục tập quán và đạo lý của người Việt Nam.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án có căn cứ, đúng quy định pháp luật; kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đoàn Thị Kim H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị Kim H1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 307/2025/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Thị Kim H1 phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0070967 ngày 20/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự (nay là Thi hành án dân sự) Thành phố Hồ Chí Minh vào phần án phí phải chịu. Đương sự đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu VP(5), HS(2). 17b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng